

Số: 1023 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội tại Văn bản số 219/CV-CVHT ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 19/2024/CV-CTHT ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cụm công nghiệp Tân Hội 1 tại ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22.6./TTr-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội địa chỉ tại ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 tại ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 2881102568 ngày 08/7/2011 chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 28/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 390089969.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng; là cụm công nghiệp tập trung đa ngành, trừ các ngành nghề: dệt, nhuộm, thuộc da, sản xuất gạch nung, ưu tiên phát triển công nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho

sự phát triển nông nghiệp địa phương, sử dụng nhiều lao động, các ngành công nghiệp mũi nhọn có điều kiện để phát triển và xuất khẩu như: công nghiệp chế biến sản phẩm sau mía, sau tinh bột mì (sắn), sau cao su; sản xuất nước sạch; dịch vụ trung chuyển và vận chuyển (kho bãi); công nghiệp hóa dược, mỹ phẩm, thực phẩm; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng không nung; chế biến nông, lâm sản (kể cả công nghiệp chế biến cao su và chế biến tinh bột khoai mì, riêng ngành nghề chế biến tinh bột khoai mì chỉ thực hiện di dời nhà máy chế biến tinh bột khoai mì hiện có về Cụm công nghiệp Tân Hội, không đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến tinh bột khoai mì); công nghiệp nhẹ: may mặc, giày dép; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; cơ khí nhỏ, dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích đất thực hiện Dự án: 51,80 ha.

- Cụm công nghiệp Tân Hội 1 thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Hội; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với UBND huyện Tân Châu, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cụm công nghiệp Tân Hội 1 thuộc Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: *(lưu)*

- Bộ TN&MT;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hội;
- Cty CP đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TNMT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1023/GPMT – UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

Nguồn số 1: tòa nhà văn phòng Công ty.

1.2 Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 2: trạm xử lý nước cấp công suất 3.000 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 3: các doanh nghiệp thứ cấp.
- Nguồn số 4: phòng kiểm tra, giám sát.
- Nguồn số 5: khu vực ép bùn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có 01 (một) dòng nước thải sau xử lý (gồm các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05) đạt quy chuẩn quy định cột A, QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1$ xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Nước Trong thuộc hệ thống sông Sài Gòn, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau module 1 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày.đêm theo đường ống bê tông cốt thép Ø400mm chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Nước Trong thuộc hệ thống sông Sài Gòn, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 1286 974; Y = 574 157 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Thiết kế điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của module 1: 2.000 m³/ngày đêm tương

đương 83,33 m³/giờ

2.4.1 Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Nhiệt độ	°c	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	mg/l	6 đến 9		
3	COD	mg/l	67,5		
4	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	45		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
6	Độ màu	Pt/Co	45		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		Không yêu cầu
8	Asen	mg/l	0,045		
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,0045		
10	Chì	mg/l	0,09		
11	Cadimi	mg/l	0,045		
12	Crom (VI)	mg/l	0,045		
13	Crom (III)	mg/l	0,18		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Sắt	mg/l	0,9		
16	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
17	Tổng Nitơ	mg/l	18		
18	Tổng Phospho	mg/l	3,6		
19	Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.700		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó thu gom bằng đường ống riêng về module 1 trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý.

- Nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống riêng về module 1 trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý.

- Nguồn số 03: được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Cụm công nghiệp Tân Hội 1, trước khi thu gom bằng đường ống riêng về module 1 trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý.

- Nguồn số 04, 05: được thu gom bằng đường ống riêng về module 1 Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của module 1 Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1:

- Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → lược rác tinh → bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng → Bể khử trùng.

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng: mật rỉ, NaOH, Chlorine, Acid Sunfuric 32% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amonium.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị

- Camera theo dõi: 02 bộ (01 bộ lắp tại vị trí trong phòng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, 01 bộ lắp tại vị trí xả thải).

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố thể tích 903,37 m³ để ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Hồ sự cố	<p>Diện tích đáy: $43,1 \text{ (m)} \times 12 \text{ (m)} = 517,2 \text{ m}^2$</p> <p>Diện tích bề mặt: $46,1 \times 15 = 691,5 \text{ m}^2$</p> <p>Chiều cao bể: 1,5 m</p> <p>Kết cấu: bê tông cốt thép phủ vật liệu chống thấm</p> <p>Số lượng: 01 bể</p> <p>Thể tích bể: $903,37 \text{ m}^3$</p> <p>Thời gian lưu nước: 8,34 giờ</p>

1.4.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp module 1 trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của module 1 trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để xử lý.

- Trường hợp nước thải từ doanh nghiệp thứ cấp vượt tiêu chuẩn tiếp nhận, nước thải được đưa về hồ sự cố. Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải tại các trạm bơm chuyên bậc, khoanh vùng và xác định đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố. Yêu cầu giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải và phải khắc sự cố trước xả thải trở lại. Sau đó, nước thải tại hồ sự cố được bơm về hồ thu nước thải để xử lý.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của module 1 trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của module 1 trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống

1.5. Yêu cầu nước thải đầu vào của module 1 trạm xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	mg/l	5,5 đến 9,0
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	100

5	Amoni (tính theo N)	mg/l	40
6	Độ màu	Pt/Co	150
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
8	Asen	mg/l	0,1
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1,0
13	Đồng	mg/l	2
14	Sắt	mg/l	5
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
16	Tổng Nitơ	mg/l	40
17	Tổng Phospho	mg/l	6
18	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Module 1 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 2000 m³/ngày.đêm của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đã thực hiện hoàn thành tại Giấy xác nhận số 2467/GXN-STNMT ngày 24/6/2015; hiện tại Cụm công nghiệp chỉ mới tiếp nhận lưu lượng nước thải khoảng 250 m³/ngày.đêm đạt 12,5% công suất xử lý.

Khi Module 1 trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 tiếp nhận lưu lượng nước thải trên 50% công suất, Công ty cổ phần Cụm công nghiệp Tân Hội thực hiện vận hành thử nghiệm lại Module 1 trạm xử lý xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Tân Hội 1 bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Cụm công nghiệp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo nước thải phát sinh từ các cơ sở được miễn trừ đầu nối đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.8. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .f023/GPMT-UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: hoạt động máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: hoạt động máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: hoạt động của máy móc, thiết bị tại trạm xử lý nước cấp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1287727.1936; Y = 574355.1334
- Nguồn số 02 có tọa độ: X = 1287687.3486; Y = 574331.7638
- Nguồn số 03 có tọa độ: X = 1288388.6335; Y = 574702.7451

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện, máy thổi khí được đặt trong phòng kín, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Máy thổi khí được đặt sàn chống rung, bố trí trong nhà điều hành để giảm tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng các máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 03 tháng/lần; kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu nhớt, bảo dưỡng hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho máy móc, thiết bị.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1023./GPMT-UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bùn thải từ nhà máy xử lý nước thải	12 06 06	10.950	Bùn
2	Nước thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	12 09 04	25	Rắn/lỏng
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	20	Rắn
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	05	Lỏng
5	Bóng đèn huỳnh quang thải có chứa thành phần nguy hại	16 01 06	15	Rắn
6	Mực in có chứa thành phần nguy hại	08 02 01	20	Rắn
7	Bao bì mềm thải ^(KS)	18 01 01	20	Rắn
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại ^(KS)	18 01 02	25	Rắn
9	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác ^(KS)	18 01 04	05	Rắn
10	Chất thải từ quá trình xử lý cơ học tại trạm xử lý nước thải	12 08 02	250	Rắn
11	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	100	Lỏng
Tổng khối lượng			11.430	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	5.475
2	Bùn cát nạo vét từ hồ ga thu gom nước mưa	16
	Tổng cộng	5.491

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	12,44
	Tổng khối lượng	12,44

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.

- 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích thiết kế là 12 m². Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông; có rãnh, hồ ga thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải (chất thải phải kiểm soát):

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy; bao bì.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- 01 nhà chứa bùn với diện tích thiết kế 40 m². Kho có mái che, sàn chống thấm, có rãnh thu gom nước rỉ từ bùn.

- Kho có mái che, sàn chống thấm, có rãnh thu gom nước rỉ từ bùn.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy; bao bì.

- Thùng nhựa và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Cụm công nghiệp Tân Hội 1, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1023/GPMT-UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Sau khi Công ty xây dựng hoàn chỉnh module 2 trạm xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án điều chỉnh, xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội 1 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 05/12/2019, Công ty phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho toàn Cụm công nghiệp Tân Hội 1 theo quy định pháp luật của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải bên ngoài nhà đặt máy phát điện. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Cụm công nghiệp Tân Hội 1. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

- Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Cụm công nghiệp Tân Hội 1. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.

